

CÔNG TY CP XÂY LẮP VÀ HẠ TẦNG THÁI DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP XÂY LẮP VÀ HẠ TẦNG THÁI DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAI DUONG CONSTRUCTION
INSTALLATION AND INFRASTRUCTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THAI DUONG CIF.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107941708

3. Ngày thành lập: 01/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 50/13, ngõ Đền Tương Thuận, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
6.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
7.	Xây dựng công trình công ích	4220
8.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9.	Phá dỡ	4311
10.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác (không bao gồm kinh doanh vàng)	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
19.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
20.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (không bao gồm sản xuất phim)	5911
21.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ internet và công nghệ thông tin; Khai thác và cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông	6190
22.	Lập trình máy vi tính	6201
23.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
24.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản;	6820

26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
27.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
28.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
29.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
30.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
31.	Đại lý du lịch	7911
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
34.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
35.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
36.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
37.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
38.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Bốc xếp hàng hóa	5224
42.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
44.	Xuất bản phần mềm	5820
45.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
46.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
47.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
48.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
49.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
50.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
51.	Trồng cây hàng năm khác	0119
52.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
53.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
54.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
55.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
56.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
57.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
58.	In ấn	1811
59.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

60.	Cổng thông tin	6312
61.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	6619
62.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
63.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
64.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
65.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
66.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
67.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
68.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
69.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất, gia công, mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ ngành công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông (trừ các thiết bị thu phát sóng), tin học, truyền thông, ngành quảng cáo, thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	2819
70.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
71.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
72.	Quảng cáo	7310
73.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
74.	Cho thuê xe có động cơ	7710
75.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
76.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
77.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
78.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
79.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
80.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
81.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
82.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
83.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
84.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
85.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
86.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
87.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
88.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

89.	Xây dựng nhà các loại	4100
90.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
91.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
93.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
94.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
95.	Lắp đặt hệ thống điện	4321(Chính)
96.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
97.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VŨ HUÂN	Số 50/13, ngõ Đền Tương Thuận, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	40,000	013033106	
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	40,000		
2	VŨ VĂN NGHĨA	P12A6, CT4-A1, ĐTM Tây Nam, Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	019078000148	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
3	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Số 71 Trúc Bạch, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	50,000	001181016379	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VŨ HUÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *08/05/1976*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013033106*

Ngày cấp: *28/12/2007*

Nơi cấp: *CA TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 50/13, ngõ Đền Tương Thuận, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 50/13, ngõ Đền Tương Thuận, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội